

Bản án số: 142/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Japan - G - Sekishi - O Chou me 3 408 gou.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C: Ông Phan Văn T - Luật sư Văn phòng luật sư P & cộng sự (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Y, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn 16, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị, giấy ủy quyền đề ngày 20/7/2022 (có chứng thực của người có thẩm quyền tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại O - Nhật Bản) nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/3/2015 chị và anh Dương Văn Y đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chị và anh Y kết hôn trên cơ sở tự

nguyên. Hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau kết hôn cùng năm 2015 hai vợ chồng tập trung đi làm ăn để xây dựng kinh tế, chị và anh Y cùng vào Khu Công nghiệp D, tỉnh Bình Dương làm việc, năm đầu chị và anh sống rất hạnh phúc, do làm việc tại công ty tại Khu công nghiệp D thu nhập thấp, không đảm bảo cuộc sống, nên cuối năm 2015 chị và anh Y lại ra Bắc, chị làm việc lao động tự do tại tỉnh Bắc Giang, vợ chồng thuê nhà trọ để sinh sống.

Sau khi ra Bắc, trong quá trình chung sống tại nhà trọ, vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, sự việc mâu thuẫn xảy ra là do quan điểm mỗi người trái ngược nhau, là người vợ chị cũng đã chịu đựng những bất hòa của vợ chồng, cuộc sống hằng ngày hay xảy ra xô xát, cãi nhau bởi quan điểm của mỗi người khác nhau, chị đã không bảo vệ được mình, hôn nhân dần nứt, sự mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, và trầm trọng, đặc biệt năm 2016 chị đã không ở cùng nhà trọ với anh Y, chị đã quyết định sống ly thân với anh, chị về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, khi chị về nhà mẹ đẻ sinh sống anh Y có lên gia đình chị xin lỗi bố mẹ và xin đón chị về nhà trọ sinh sống, sự việc này cũng đã lặp đi, lặp lại khoảng 3 lần, chị đã về nhà trọ sinh sống cùng anh Y nhưng hạnh phúc giữa anh chị cũng không cải thiện được, chị lại về nhà mẹ đẻ sinh sống. Người thân trong gia đình chị khi biết chuyện hai vợ chồng như vậy cũng đã can thiệp, hòa giải nhưng vẫn không có kết quả tốt hơn được, chị thấy hạnh phúc giữa chị và anh Y không thể tồn tại hôn nhân khi tình cảm không còn.

Khoảng năm 2017 khi chị sống ly thân và ở tại nhà mẹ đẻ chị, chị cũng không rõ nguyên nhân anh Y vì sao lại vi phạm pháp luật, và bị bắt và dẫn đến Tòa án xét xử, hiện tại anh Dương Văn Y đang chịu án phạt tù và cải tạo tại trại giam N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Năm 2019 chị đã làm thủ tục xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hiện nay chị đang làm việc tại Nhật Bản, từ khi sang Nhật, do tình cảm của chị và anh Y không còn nên chị cũng không liên lạc với anh Y từ 2019 đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Y.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không có tài sản chung, công nợ chung.

Ngoài ra, tại đơn đề nghị, giấy ủy quyền chị C trình bày do điều kiện hiện nay chị đang lao động tại Nhật Bản không thể về Việt Nam để có mặt trong buổi hòa giải, cung cấp chứng cứ cũng như xét xử vụ án ly hôn mà chị là nguyên đơn chị đã làm giấy ủy quyền cho Văn phòng luật sư P & Cộng sự tại tỉnh Bắc Giang thay mặt chị tham gia với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị trước Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, chị xin vắng trong các phiên hòa giải, cung cấp chứng cứ cũng như xét xử vụ án. Chị ủy quyền cho Văn phòng luật sư P & Cộng sự cử người trực tiếp giao nộp các tài liệu liên quan đến hồ sơ vụ án, trực tiếp nhận kết quả vụ án, cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị.

Bị đơn anh Dương Văn Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2015 tại UBND xã Y, huyện L. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Anh chị có vào tỉnh Bình Dương làm việc như chị C trình bày là đúng. Khoảng tháng 2/2016 thì anh chị có ra Bắc làm ăn. Chị C trình bày năm 2016 anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị C về nhà bố mẹ đẻ ở là không đúng, anh chị chỉ cãi nhau và mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, không căng thẳng gì. Năm 2017 anh bị bắt về tội Cướp tài sản, khi đó chị C vẫn thăm nom anh nhưng từ tháng 4/2019 chị C đi nước ngoài thì không còn thăm nom và liên lạc với anh nữa. Về việc chị C xin ly hôn thì anh không đồng ý và xác định vẫn còn tình cảm, vợ chồng mâu thuẫn nhỏ có thể hàn gắn được. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung không có.

Anh có nguyện vọng đến tháng 11/2022 anh chấp hành án xong thì sẽ liên lạc với chị C để thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Trường hợp Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật thì anh không có ý kiến gì. Do hiện nay anh đang chấp hành án nên anh xin pháp được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản cho anh để đảm bảo quyền lợi cho anh.

Tại biên bản làm việc ngày 30/8/2022, bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh Y trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Y và là mẹ chồng của chị C, hiện nay chị C đang đi lao động tại nước ngoài còn anh Y đang chấp hành án tại trại giam N. Về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Y và chị C thì bà không biết vì đây là việc riêng của hai con. Còn bản thân bà và chị C không có mâu thuẫn gì. Là cha mẹ bà cũng mong muốn các con đoàn tụ còn nguyện vọng của các con như thế nào thì bà vẫn tôn trọng. Khi chị C đi nước ngoài thì gia đình bà cũng đồng ý cho chị C đi, hai bên gia đình vẫn bình thường không có mâu thuẫn gì. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh Y ra trại và để hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C, bị đơn anh Dương Văn Y xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ông Phan Văn T, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị chinh có đơn xin vắng mặt và gửi bài luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn chị C trình bày: Quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn như đơn khởi kiện và bản tự khai của chị C và đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Dương Văn Y, thấy rằng mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, đây là lý do chị C làm đơn khởi kiện ly hôn giữa chị và anh Y đề nghị Tòa án giải quyết anh được ly hôn với anh Y là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Dương Văn Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng

quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị C, bị đơn anh Y đều xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Dương Văn Y.

Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị C là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Dương Văn Y. Đơn khởi kiện của chị C gửi từ nước ngoài về có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại O-Nhật Bản. Bị đơn anh Dương Văn Y là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Dương Văn Y và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị C, anh Y, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Dương Văn Y kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2015 tại UBND xã Y, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị C xác định tình cảm đến nay không còn chị đề nghị Tòa án tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Y.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Dương Văn Y. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chị C, anh Y chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Năm 2017 chị sống ly thân và ở tại nhà mẹ đẻ chị, năm 2019 chị C đi lao động nước ngoài và làm việc tại Nhật Bản, từ khi sang Nhật Bản

làm việc do tình cảm của chị và anh Y không còn nên chị cũng không liên lạc với anh Y từ đó đến nay. Xét thấy chị C và anh Y mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Kể từ khi anh Y đi chấp hành án thì chị C cũng không còn quan tâm, hỏi han, thăm nom anh nữa. Anh Y cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được nhưng anh cũng xác chị C không thăm hỏi anh từ tháng 4/2019 đến nay, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của chị C, anh Y thì chị C và anh Y không còn liên lạc, quan tâm nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị C và anh Y đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Dương Văn Y là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[4]. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị C trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Dương Văn Y.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000 541 ngày 04/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Dương Văn Y vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị C hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Y, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền